

Chỉ số năng lực tài chính các ngành bảo hiểm, bất động sản, chứng khoán

Financial capability index of insurance, real estate and securities industry



PGS.TS. Nguyễn Mạnh Quân

Ths. Nguyễn Phương Thảo

*** Viện Nghiên cứu và Phát triển (INBUS)**

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Nhận ngày: 22/02/2017

Biên tập ngày: 28/02/2017

Duyệt đăng: 07/3/2017

Chỉ số năng lực tài chính là tài liệu đầu tiên, trong hệ thống các tài liệu về Chỉ số kinh doanh tập trung vào một khía cạnh quan trọng, trong hoạt động của doanh nghiệp (DN). Tư liệu sử dụng để biên soạn tài liệu này là số liệu được tổng hợp, phân tích từ các báo cáo tài chính (có kiểm toán) của các DN niêm yết trên các sàn CK tại Việt Nam, từ năm 2013.

Năng lực tài chính của các DN được thể hiện, thông qua sáu nhóm chỉ số cơ bản: Chỉ số thanh toán, chỉ số đòn bẩy tài chính, chỉ số lợi nhuận, hệ số sinh lời, hệ số bảo toàn vốn và doanh số. Các chỉ số được tập hợp từ các báo cáo tài chính (đã được kiểm toán) của các DN và được quy ra các chỉ số, theo cách tính phổ biến trong các phương pháp phân tích tài chính DN. Việc so sánh giữa các DN cùng lĩnh vực và so sánh chéo, được tạo thuận lợi bằng cách quy đổi thành điểm theo một thang điểm cơ sở chung cho từng chỉ số. Cách tính điểm, xếp hạng có thể cung cấp cho người sử dụng thêm thông tin về khoảng cách tương đối giữa các DN so sánh và "mức đóng góp" của DN, đối với ngành và nền kinh tế. Thông tin về năng lực hoạt động của DN được cung cấp trong Chỉ số kinh doanh gồm các chỉ số về hoạt động tài chính trong 2 năm liên tiếp.

Chỉ số năng lực tài chính bao gồm 32 ngành, chia làm 05 nhóm ngành.

Nhóm ngành 1: Bao gồm 07 ngành: Bảo hiểm (BH), Bất động sản (BDS), chứng khoán (CK), Cơ khí, Hạ tầng, Vật liệu xây dựng, Xây dựng.

Nhóm ngành 2: Bao gồm 06 ngành: Công nghiệp điện tử, Công nghiệp đường, Công nghiệp nhẹ, Công nghiệp thực phẩm, Dệt may, Dệt may.

Nhóm ngành 3: Bao gồm 07 ngành: Công nghiệp cao su, Khoáng sản, Nhựa bao bì, Thép, Thức ăn gia súc, Thủy sản, Trồng trọt.

Nhóm ngành 4: Bao gồm 05 ngành: Công nghiệp khí, Công nghiệp phân bón, Dịch vụ dầu khí, Điện, Hóa chất.

Nhóm ngành 5: Bao gồm 07 ngành: Dịch vụ, Du lịch, Khách sạn, Sách thiết bị trường học, Thương mại, Tư vấn, Vận tải.

Năm 2013, số lượng DN được khảo sát mới chỉ có 391 DN. Năm 2014, số DN được xử lý tăng lên 1.089. Năm 2015, số lượng DN được khảo sát là 1.146. Năm 2016, số lượng DN được xử lý tăng lên 1.256 DN. Các DN được xem xét cũng khác nhau. Ngoài việc được phân chia thành các ngành để đánh giá và so sánh, các DN còn được phân chia thành các nhóm theo 2 tiêu chí sau: (i) Giá cổ phiếu ≥ 10.000 đ/cp và (ii) tỷ suất lợi nhuận trên CP EPS $\geq 15\%$. Xét theo hai tiêu chí này, có thể phân chia các DN thành 3 nhóm: (1) Nhóm các DN đạt cả hai tiêu chí, (2) nhóm các DN chỉ đạt tiêu chí về giá và (3) nhóm các DN chỉ đạt tiêu chí về EPS.

Trong số này, xin cung cấp các chỉ số tài chính cơ bản của các DN thuộc ngành BH, BDS và CK (Nhóm ngành 1), sử dụng số liệu 2 năm 2015 và 2016 để so sánh.

Chỉ số năng lực tài chính - nhóm ngành 1: BH, BDS, CK

Một là, Đánh giá chung

Số liệu DN đạt tiêu chí được phân tích năm 2015 và 2016 thuộc 3 nhóm và các DN không đạt tiêu chí được tổng hợp trong bảng 1:

Đặc điểm và tình trạng phân bố của các chỉ số tài chính trong ngành dựa trên 6 nhóm chỉ tiêu chính là Chỉ số thanh toán, Chỉ số hiệu quả kinh doanh, Chỉ số đòn bẩy tài chính, Chỉ số sinh lời, Hệ số bảo toàn vốn và Doanh thu; và 21 chỉ tiêu nhỏ nằm trong 6 nhóm chỉ tiêu chính, được thể hiện ở sơ đồ 1 (trang 9): 6 nhóm chỉ tiêu chính, và sơ đồ 2 (trang 10): 21 chỉ tiêu thành phần.

Hai là, Tình hình thay đổi của các DN trong ngành

Tình trạng “chuyển nhóm” của DN trong ngành, nghĩa là các DN trong ngành đó chuyển từ nhóm đạt 2 tiêu chí sang nhóm đạt 1 tiêu chí và ngược lại. Sự chuyển nhóm được coi là tích cực, nếu các DN chuyển từ nhóm đạt ít tiêu chí sang nhóm đạt nhiều tiêu chí, và ngược lại, sẽ bị coi là tiêu cực nếu chuyển từ nhóm đạt nhiều tiêu chí sang nhóm đạt ít tiêu chí. Tình trạng “chuyển nhóm” của các DN trong từng ngành, được thể hiện trong bảng 2, trang 11.

Đối với ngành BH, ta thấy ngành BH thể hiện xu thế chuyển nhóm tích cực, do có 02 DN chuyển từ nhóm 2 sang nhóm 1. Còn 03 DN chênh lệch năm 2016/2015 là 03 DN nhóm không đạt.

Đối với ngành BDS, ta thấy ngành BDS thể hiện xu thế chuyển nhóm tích

Bảng 1: Số lượng DN theo ngành - ngành BH, BDS, CK

TT	Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm không đạt	Tổng cộng
Năm 2015						
1	Cả năm	341	149	131	525	1.146
2	Nhóm ngành 1	105	63	45	278	491
3	Ngành BH	4	4	0	3	11
4	Ngành BDS	15	19	6	45	85
5	Ngành CK	5	5	3	56	69
Năm 2016						
1	Cả năm	368	157	132	599	1.256
2	Nhóm ngành 1	119	55	41	267	482
3	Ngành BH	6	2	0	6	14
4	Ngành BDS	13	15	4	45	77
5	Ngành CK	4	2	2	28	36

cực, do có 02 DN chuyển từ nhóm 2 sang nhóm 1, 01 DN chuyển từ nhóm 1 sang nhóm 2. Các nhóm đều có số DN giảm đi trong năm 2016, là do trong nhóm 1 có thêm 04 DN mới trong khi số DN giảm đi là 06 DN, nhóm 2 giảm 5 DN trong khi có 1 DN tăng thêm.

Đối với ngành CK, ta thấy ngành CK không thể hiện xu thế chuyển nhóm. Chênh lệch giữa năm 2016 và năm 2015, là những DN không được xét trong năm 2016. Số DN không được xét nhóm không đạt giảm mạnh (28 DN), nhóm 2 giảm 3 DN, nhóm 1 và 3 giảm 1 DN dẫn đến tổng số DN trong ngành giảm 33 DN.

Tình trạng “sức khỏe” của DN được phản ánh qua những thay đổi về kết quả hoạt động của DN, khi so sánh giữa 2 năm 2016-2015, thể hiện qua hiệu số giữa các chỉ số tài chính của DN năm 2016 so với 2015. Tình trạng “sức khỏe lý tưởng” của DN, xét từ góc độ các chỉ tiêu tài chính, được phản ánh qua hệ thống các mức chuẩn tối ưu của các chỉ tiêu. Một sự thay đổi về chỉ số của một DN tiến gần đến mức chuẩn tối ưu của chỉ tiêu đó hơn, sẽ được ghi nhận là có “Tốt lên”. Ngược lại, nếu có sự thay đổi theo hướng rời xa mức chuẩn tối ưu, tình trạng sẽ được ghi nhận là “Yếu đi”. Số chỉ tiêu được xét gồm 21 chỉ tiêu cụ

thể, thuộc 6 nhóm chỉ tiêu tài chính. Để có thể so sánh được, DN được xét là những DN nằm trong số các DN đạt tiêu chí, xem xét cả trong năm 2016 và 2015. Tình trạng sức khỏe của DN trong ngành, được thể hiện qua bảng 3, trang 11. Tình trạng cải thiện các chỉ tiêu xét theo ngành các DN đạt tiêu chí và bảng 4, trang 11. Số lượng DN có số chỉ tiêu tốt lên chiếm trên 50% xét theo ngành.

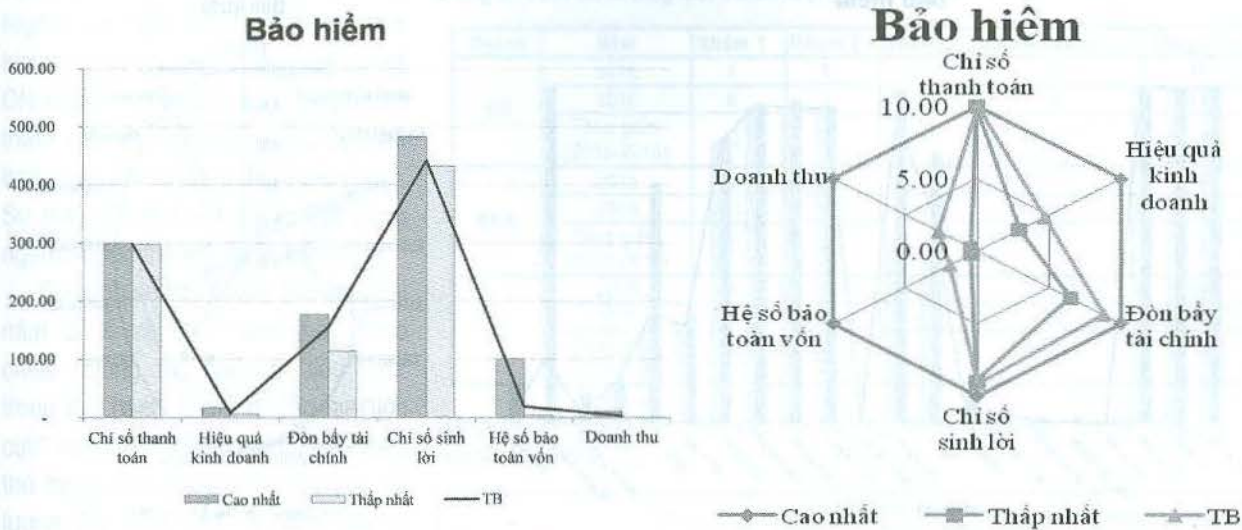
Bảng 3: Tỷ trọng các chỉ tiêu tốt lên ngành BH là cao nhất 50%, ngành CK thấp nhất 33,3%.

Bảng 4: Trong 8 DN được xét của ngành BH, có tới 5 DN có số lượng chỉ tiêu tốt lên cao hơn 50%. Số lượng này đối với ngành BDS là 13/26 và ngành CK là 1/8. Số lượng chỉ tiêu nhiều nhất được cải thiện (được ghi nhận là “tốt lên”) của một DN thuộc ngành BDS là lớn nhất 17/21 chỉ tiêu (chiếm 81%), ngành BH và CK là 14/21 (chiếm 67%).

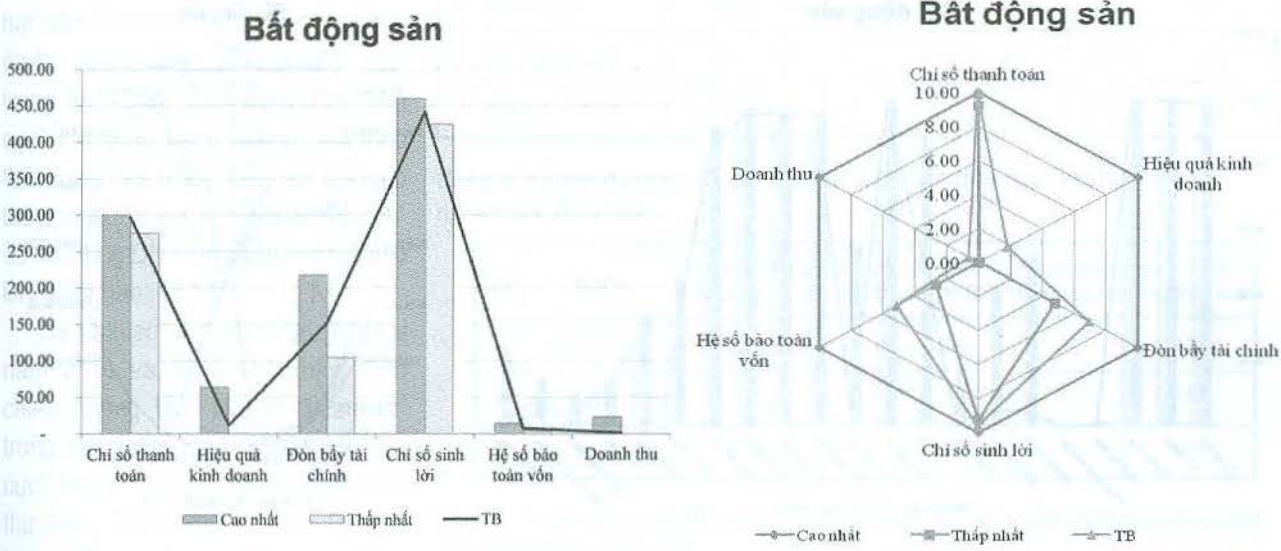
Ba là, Sự thay đổi thứ hạng của các DN trong ngành

Sự thay đổi về thứ hạng của DN, là dấu hiệu cho biết sự tiến bộ trong hoạt động của các DN và của một ngành qua một năm. Sự thay đổi thứ hạng DN trong nhóm và trong tổng số các DN được nghiên cứu, có thể là do sự xuất hiện của các DN mới. Nếu DN hoạt động hiệu quả hơn, vị trí thứ hạng

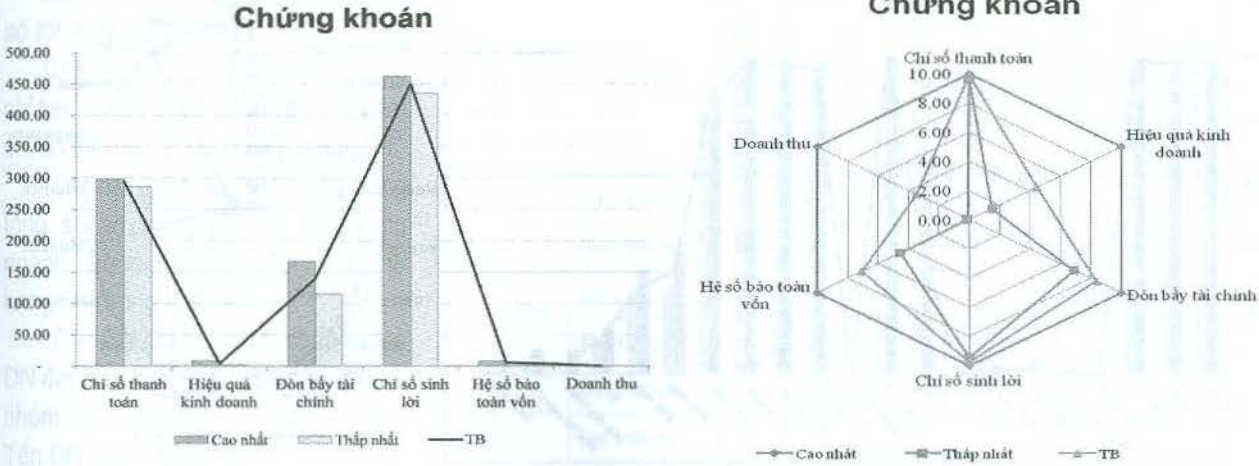
Sơ đồ 1.1: Đặc điểm và tình trạng phân bố của các chỉ số tài chính trong ngành - ngành BH



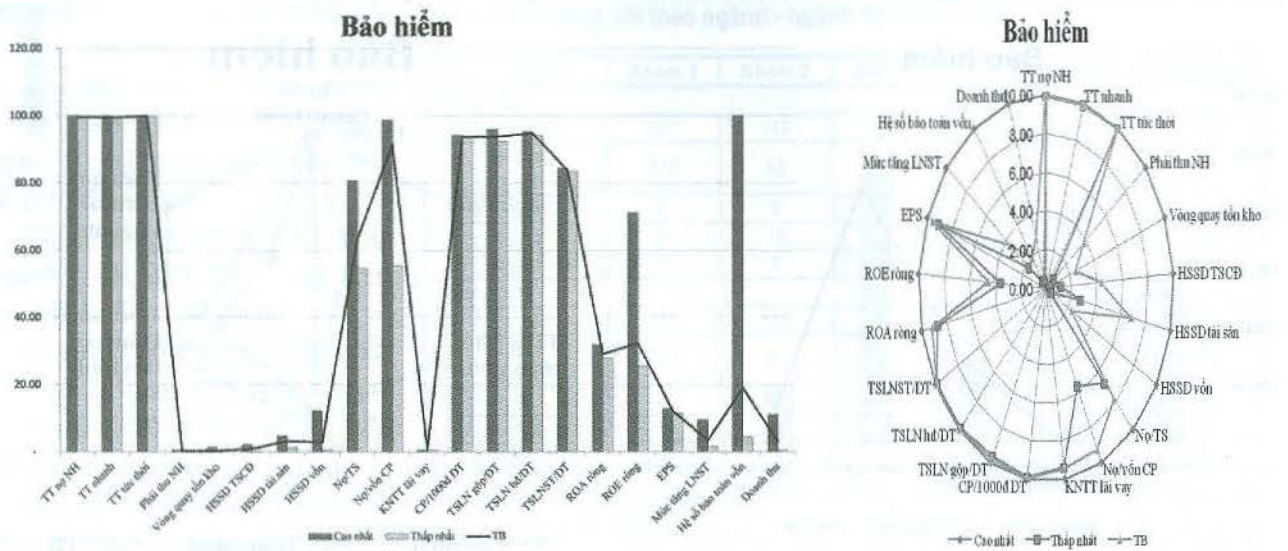
Sơ đồ 1.2: Đặc điểm và tình trạng phân bố của các chỉ số tài chính trong ngành - ngành BĐS



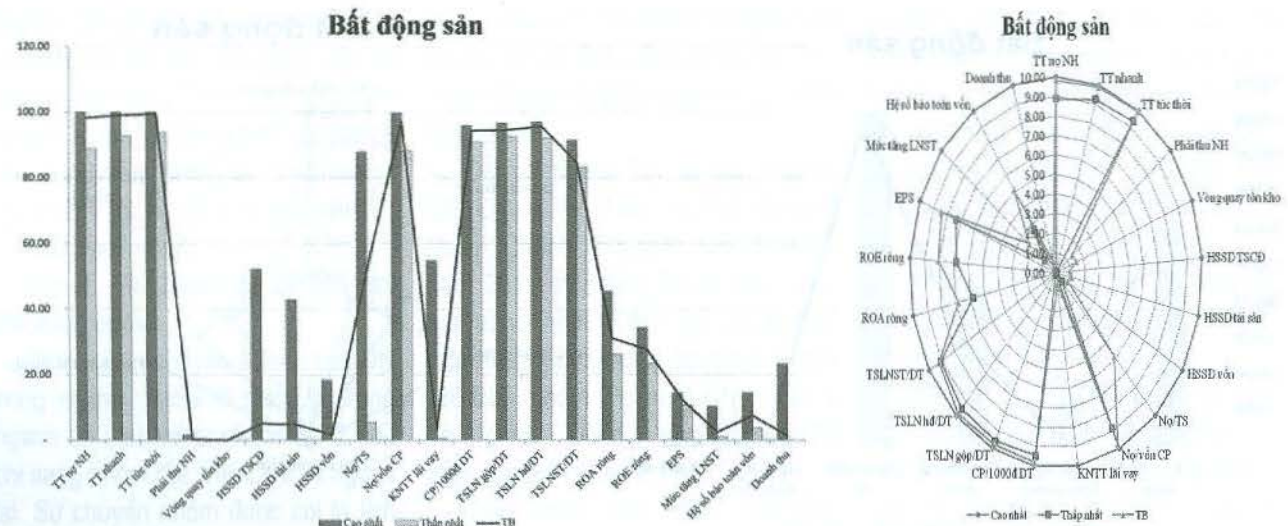
Sơ đồ 1.3: Đặc điểm và tình trạng phân bố của các chỉ số tài chính trong ngành - ngành CK



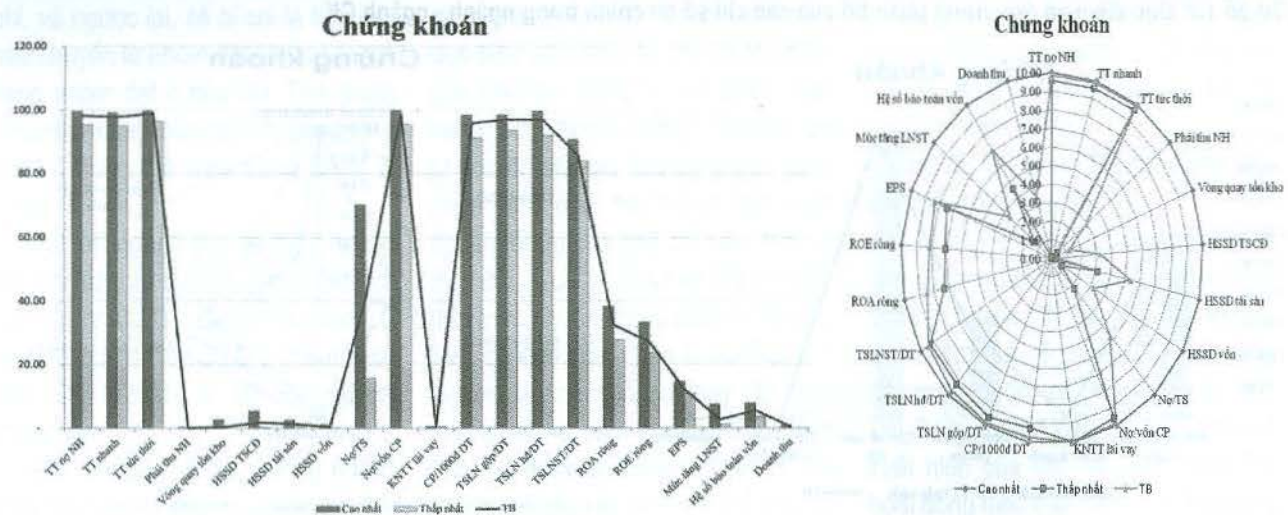
Sơ đồ 2.1: Chỉ số tài chính DN chi tiết- ngành BH



Sơ đồ 2.2: Chỉ số tài chính DN chi tiết- ngành BĐS



Sơ đồ 2.3: Chỉ số tài chính DN chi tiết- ngànhCK



của DN sẽ được cải thiện (tăng bậc). Ngược lại, nếu DN hoạt động kém hiệu quả so với năm trước, hay so với DN khác trong ngành, hay trong nhóm thậm chí các DN mới xuất hiện, thứ hạng của DN sẽ hạ xuống (giảm bậc). Sự thay đổi thứ hạng của DN trong ngành, được thể hiện qua bảng 5.

So sánh số liệu ngành BH giữa hai năm 2016 và 2015 cho thấy, theo chiều hướng thay đổi là "tiêu cực" trong thứ hạng nhóm nhưng lại "tích cực" trong thứ hạng ngành. Xét theo thứ hạng DN trong tổng số DN, số lượng DN tăng bậc và giảm bậc là tương đương nhau.

So sánh số liệu ngành BDS giữa hai năm 2016 và 2015 cho thấy, theo chiều hướng thay đổi là "tiêu cực" trong thứ hạng nhóm nhưng lại "tích cực" trong thứ hạng ngành. Xét theo thứ hạng DN trong tổng số DN cho thấy, chiều hướng thay đổi "tiêu cực" do số lượng DN tăng hạng là 8, còn số DN giảm hạng là 19.

So sánh số liệu ngành CK giữa hai năm 2016 và 2015 cho thấy, theo chiều hướng thay đổi là "tiêu cực" trong thứ hạng nhóm nhưng lại "tích cực" trong thứ hạng ngành. Xét theo thứ hạng DN trong tổng số DN, số lượng DN giảm hạng gấp 3 lần số DN tăng hạng (6 DN tăng/2 DN giảm).

Bốn là, Danh sách các DN đạt chỉ số tốt nhất trong ngành

Từ số liệu quy điểm theo 6 nhóm chỉ tiêu chính, ta có danh sách DN đạt chỉ số tốt nhất trong ngành bao gồm:

- DN đạt thứ hạng cao nhất, trong tổng số so sánh với các DN trong ngành. Được thể hiện: Tên DN (thứ hạng DN trong tổng số).
- Các DN đạt chỉ số tốt nhất, là các DN đạt điểm tổng hợp cao nhất theo 6 nhóm chỉ tiêu chính. Được thể hiện: Tên DN (điểm tổng hợp).

Bảng 2: Tình hình thay đổi về số lượng DN - ngành BH, BDS, CK

Ngành	Năm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm không đạt	Tổng cộng
BH	2015	4	4	0	3	11
	2016	6	2	0	6	14
	Tăng giảm (2016-2015)	+2	-2	0	+3	+3
BDS	2015	15	19	6	45	85
	2016	13	15	4	45	77
	Tăng giảm (2016-2015)	-2	-4	-2	0	-8
CK	2015	5	5	3	56	69
	2016	4	2	2	28	36
	Tăng giảm (2016-2015)	-1	-3	-1	-28	-33

Bảng 3: Tình trạng cải thiện các chỉ tiêu xét theo ngành các DN đạt tiêu chí - ngành BH, BDS, CK

TT	Ngành	Số lượng DN	Số chỉ tiêu	Số chỉ tiêu tốt lên	Số chỉ tiêu yếu đi	Số chỉ tiêu không đổi	Tỷ trọng các chỉ tiêu tốt lên	Tỷ trọng các chỉ tiêu yếu đi	Tỷ trọng các chỉ tiêu không đổi
1	BẢO HIỂM	8	168	84	77	7	50,0%	45,8%	4,2%
2	BẤT ĐỘNG SẢN	26	546	268	277	1	49,1%	50,7%	0,2%
3	CHỨNG KHOÁN	8	168	56	97	15	33,3%	57,7%	8,9%

Bảng 4: số lượng DN có số chỉ tiêu tốt lên chiếm trên 50%, xét theo ngành - ngành BH, BDS, CK

TT	Ngành	Số lượng DN được xét	Số lượng các DN có số chỉ tiêu tốt lên cao hơn 50%		Số chỉ tiêu tốt lên của DN có số chỉ tiêu tốt lên nhiều nhất	
1	BẢO HIỂM	8	5	63%	14	67%
2	BẤT ĐỘNG SẢN	26	13	50%	17	81%
3	CHỨNG KHOÁN	8	1	13%	14	67%

Bảng 5: Tình hình thay đổi về thứ hạng của DN trong ngành xét theo nhóm tiêu chí - ngành BH, BDS, CK

TT	Ngành	2016/2015	Thứ hạng nhóm			Thứ hạng ngành			Thứ hạng tổng		
		Đối tượng	Số DN tăng hạng	Số DN giảm hạng	Không đổi	Số DN tăng hạng	Số DN giảm hạng	Không đổi	Số DN tăng hạng	Số DN giảm hạng	Không đổi
1	BH	Đạt 2 tiêu chí	2	2		2	2		2	2	
		Đạt 1 tiêu chí	1	3		3	1		2	2	
2	BDS	Đạt 2 tiêu chí	5	6		4	6	1	3	8	
		Đạt 1 tiêu chí	6	9	1	14	2		5	11	
3	CK	Đạt 2 tiêu chí	1	3		4			1	3	
		Đạt 1 tiêu chí	1	2	1	2	1	1	1	3	

Danh sách DN đạt chỉ số tốt nhất trong ngành - ngành BH

Thứ hạng cao nhất trong tổng số: Công ty CP PVI (14).

Chỉ số thanh toán tốt nhất: Tổng công ty CP Bảo Minh (299,68).

Chỉ số hiệu quả tốt nhất: Công ty CP PVI (16,37).

Chỉ số đòn bẩy tốt nhất: Tổng Công ty CP BH Petrolimex (176,70).

Chỉ số sinh lời tốt nhất: Công ty CP PVI (483,19).

Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất: Công ty CP PVI (100,00).

Chỉ số doanh thu tốt nhất: Tập đoàn Bảo Việt (11,03).

Danh sách DN đạt chỉ số tốt nhất trong ngành - ngành BDS

Thứ hạng cao nhất trong tổng số: Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (54).

Chỉ số thanh toán tốt nhất: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (299,68).

Chỉ số hiệu quả tốt nhất: Công ty CP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO (63,47).

Chỉ số đòn bẩy tốt nhất: Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (217,66).

Chỉ số sinh lời tốt nhất: Công ty CP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (460,05).

Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất: Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (14,35).

Chỉ số doanh thu tốt nhất: Tập đoàn Vingroup - Công ty CP (23,17).

Danh sách DN đạt chỉ số tốt nhất trong ngành - ngành CK

Thứ hạng cao nhất trong tổng số: Công ty CP CK Bản Việt (151).

Chỉ số thanh toán tốt nhất: Công ty CP CK Bản Việt (298,38).

Chỉ số hiệu quả tốt nhất: Công ty CP CK Bản Việt (8,53).

Chỉ số đòn bẩy tốt nhất: Công ty CP CK VNDIRECT (166,55).

Chỉ số sinh lời tốt nhất: Công ty CP CK Sài Gòn (462,25).

Hệ số bảo toàn vốn tốt nhất: Công ty CP CK Bảo Việt (7,85).

Bảng 6.1: Thứ hạng của các DN đạt chỉ số tốt nhất xét theo ngành - ngành BH

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DN							
		Tổng điểm		Trong nhóm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2015	2016	2015	2016	2015	2016	2015	2016
1	Công ty CP PVI	910,13	1.017,94	2	1	3	1	49	14
2	Tổng công ty CP Bảo Minh	807,83	905,00	2	6	4	7	172	448
3	Tập đoàn Bảo Việt	749,95	931,35	4	2	8	2	515	206
4	Tổng Công ty CP BH Petrolimex	770,88	921,00	4	1	6	3	389	295

Bảng 6.2: Thứ hạng của các DN đạt chỉ số tốt nhất xét theo ngành - ngành BDS

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DN							
		Tổng điểm		Trong nhóm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2015	2016	2015	2016	2015	2016	2015	2016
1	Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	778,31	971,83	13	1	20	1	326	54
2	Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	848,88	944,64	6	2	9	4	92	133
3	Công ty CP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị IDICO	809,75	966,27	7	2	11	2	164	68
4	Công ty CP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy	863,89	876,27	5	12	8	29	74	598
5	Công ty CP Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	954,76	923,37	3	5	3	10	41	275

Bảng 6.3: Thứ hạng của các DN đạt chỉ số tốt nhất xét theo ngành - ngành CK

TT	TÊN CÔNG TY	THỨ HẠNG CỦA DN							
		Tổng điểm		Trong nhóm		Trong ngành		Trong tổng số	
		2015	2016	2015	2016	2015	2016	2015	2016
1	Công ty CP CK Bản Việt	3.423,81	940,15	1	1	1	1	6	151
2	Công ty CP CK VNDIRECT	752,13	916,80	6	1	9	3	502	334
3	Công ty CP CK Sài Gòn	791,94	918,76	2	1	6	2	243	315
4	Công ty CP CK Bảo Việt	686,46	889,61	4	3	11	5	586	553

Chỉ số doanh thu tốt nhất: Công ty CP CK Sài Gòn (0,91).

Thứ hạng của các DN đạt chỉ số tốt nhất trong ngành, được thể hiện trong bảng 6. ■

Tài liệu tham khảo

1. Viện Nghiên cứu và Phát triển DN - Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

(2015) Chỉ số kinh doanh - Năng lực tài chính - Các ngành BH, BDS, CK, Cơ khí, Hạ tầng, Vật liệu xây dựng, Xây dựng.

2. Viện Nghiên cứu và Phát triển DN - Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (2016) Chỉ số kinh doanh - Năng lực tài chính - Các ngành BH, BDS, CK, Cơ khí, Hạ tầng, Vật liệu xây dựng, Xây dựng.